DỰ THẢO SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THÁNG 8.2023
XÁC NHẬN THÔNG TIN CÁ NHÂN ĐỂ IN BẰNG (Lưu ý thông tin theo giấy khai sinh gốc & giấy điều chỉnh khai sinh (nếu có))
Trường hợp sai thông tin cá nhân, sinh viên cung cấp giấy khai sinh bản sao để thực hiện điều chỉnh
Sinh viên bổ sung các thông tin ở cột thiếu thông tin

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc Tịch	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú	Ký tên xác nhận
1	1851110106	Nguyễn Thành	Luân	Nam	02/04/2000	Bình Phước	Kinh	Việt Nam	CD18CLCB	139	2.77	Khá		
2	1851110115	Trần Minh	Nhân	Nam	20/07/2000	Bình Định	Kinh	Việt Nam	CD18CLCA	138	3.18	Khá		
3	18H1090045	Trần Hữu	Anh	Nam	05/06/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	CD18CLCA	138	2.79	Khá		
4	18H1090071	Nguyễn Hoàng Việt	Phát	Nam	17/09/2000	Vĩnh Long	Kinh	Việt Nam	CD18CLCB	139	2.7	Khá		
5	1751020138	Võ Minh	Quang	Nam	19/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	CO17CLCB	143	2.36	Trung bình	- Đủ hồ học phí: C.Nghề	
6	18H1080110	Đinh Diệp Đức	Vinh	Nam	02/11/2000	Bình Thuận	Kinh	Việt Nam	CO18CLCB	128	2.68	Khá		
7	18H1160075	Lê Quang	Bửu	Nam	28/03/1999	Thừa Thiên - Huế	Kinh	Việt Nam	CX18CLCB	124	2.88	Khá		
8	18H1160091	Lê Trần Anh	Quốc	Nam	14/11/2000	Bình Định	Kinh	Việt Nam	CX18CLCB	134	2.49	Trung bình		
9	18H1160099	Nguyễn Công	Toàn	Nam	19/05/2000	Phú Yên	Kinh	VIỆT NAM	CX18CLCB	129	2.28	Trung bình	- Đủ hồ học phí: Nền	
10	18H1160103	Trần Ngọc	Tuấn	Nam	18/09/2000	Quảng Ngãi	Kinh		CX18CLCB	124	2.57	Khá		
11	18H1160135	Đỗ Minh	Tân	Nam	16/07/2000	Tây Ninh	Kinh	Việt Nam	CX18CLCC	129	2.76	Khá	- Đủ hồ học phí: Cơ bản	
12	18H1040056	Đoàn Chí	Thiện	Nam	01/01/2000	Quảng Ngãi	Kinh	Việt Nam	DV18CLC	123	3.09	Khá		
13	1954010152	Nguyễn Trương Thu	Thanh	Nữ	05/08/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	125	2.83	Khá		
14	1954020122	Nguyễn Chí	Cường	Nam	01/11/2001	Vĩnh Long	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	3.27	Giỏi		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc Tịch	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú	Ký tên xác nhận
15	18H4010074	Hà Thị Linh	Nhi	Nữ	17/02/2000	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	KT18CLCB	126	2.62	Khá		
16	19H4010076	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/10/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	123	3.15	Khá		
17	19H4010077	Vũ Ngọc Thiên	Ân	Nữ	17/08/2001	Cần Thơ	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	125	3.14	Khá		
18	19H4010078	Nguyễn Thị Kim	Bình	Nữ	07/02/2001	Khánh Hoà	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	3.59	Giỏi	- Đủ hồ học phí: Lịch sử	
19	19H4010079	Đỗ Minh	Châu	Nữ	01/11/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	3.01	Khá		
20	19H4010080	Phan Ngọc Quỳnh	Dao	Nữ	10/12/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	3.4	Giỏi		
21	19H4010082	Nguyễn Minh	Hải	Nam	11/01/2001	Đồng Tháp	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	3.36	Giỏi		
22	19H4010085	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	24/11/2001	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	125	3.09	Khá		
23	19H4010086	Phan Ngọc	Hơn	Nam	13/08/2001	Vĩnh Long	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	3.24	Khá		
24	19H4010089	Phạm Gia	Khiêm	Nam	12/10/2001	Bình Định	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	124	3.03	Khá		
25	19H4010093	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	08/03/2001	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	116	2.78	Khá	- Đủ hồ học phí: Thực tập	
26	19H4010095	Nguyễn Đặng Phương	Ngân	Nữ	21/01/2001	Phú Yên	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	127	3.13	Khá		
27	19H4010096	Phạm Thị Thu	Ngân	Nữ	01/01/2001	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	3.37	Giỏi		
28	19H4010097	Phạm Thị Ngọc	Nhi	Nữ	09/02/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	2.86	Khá		
29	19H4010098	Phạm Lê Hồng	Nhung	Nữ	03/05/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	127	3.05	Khá	- Đủ hồ học phí: Bảo hiểm	
30	19H4010100	Trần Ngọc	Oanh	Nữ	07/01/2001	Khánh Hoà	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	124	3.03	Khá		
31	19H4010102	Nguyễn Vũ Khánh	Phượng	Nữ	01/05/2001	Đồng Nai	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	117	3.48	Giỏi		
32	19H4010104	Huỳnh Thị Cẩm	Quyên	Nữ	16/06/2000	Phú Yên	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	124	3.14	Khá		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc Tịch	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú	Ký tên xác nhận
33	19H4010106	Phạm Ngọc	Thảo	Nữ	01/01/2001	Cà Mau	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	125	3.27	Giỏi		
34	19H4010107	Nguyễn Phú	Thiện	Nam	11/11/2001	Bình Dương	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	114	3.17	Khá		
35	19H4010113	Nguyễn Bảo	Trung	Nam	25/01/2001	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	2.9	Khá		
36	19H4010114	Lê Cẩm	Vy	Nữ	30/08/2001	Đồng Nai	Kinh	Việt Nam	KT19CLCB	126	3.09	Khá		
37	18H4020079	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/03/2000	Khánh Hoà	Kinh	Việt Nam	KX18CLCB	129	2.8	Khá		
38	18H4030046	Huỳnh Lê Kim	Hậu	Nam	14/08/2000	Đà Nẵng	Kinh	Việt Nam	QL18CLCA	112	2.83	Khá		
39	18H4030049	Tôn Hoàng Minh	Nghĩa	Nữ	06/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	QL18CLCA	112	3.29	Giỏi		
40	1854020092	Bùi Thái	Vinh	Nam	15/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	QL18CLCA	129	2.47	Trung Bình		
41	19H4010068	Nguyễn Ngọc Phi	Trâm	Nữ	15/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	QL18CLCA	112	3.50	Giỏi		
42	18H1160138	Phúc Thọ	LaThaVongSa	Nam	10/09/2000	Lào	Lào	Lào	QL18CLCA	134	2.66	Khá		
43	18H1080129	Lưu Duy	Khan	Nam	01/11/2000	Trà Vinh	Khmer	Việt Nam	QL18CLCA	129	2.52	Khá	- Dư nợ học phí: Nhiên	
44	18H4030042	Hoàng Văn	Bình	Nam	22/04/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	QL18CLCA	127	2.99	Khá		
45	19H4010094	Bùi Thảo	Ngân	Nữ	23/10/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	QL18CLCA	125	3.00	Khá		
46	1954010158	Lương Quốc	Thắng	Nam	17/09/2001	Đồng Nai	Kinh	Việt Nam	QL18CLCA	114	3.01	Khá		
47	19H4010001	Nguyễn Phạm Phương	Anh	Nữ	24/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	112	3.24	Giỏi	0	
48	19H4010052	Bùi Quốc	Cường	Nam	12/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	việt nam	KT19CLCA	121	2.83	Khá	0	
49	19H4020005	Khổng Hoài	Đông	Nam	18/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	KX19CLCA	120	2.94	Khá	0	
50	19H4020054	Đặng Trung	Đức	Nam	20/04/2001	Bình Định	Kinh	Việt Nam	KX19CLCA	122	2.71	Khá	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc Tịch	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú	Ký tên xác nhận
51	1954010068	Phạm Thị Như	Hằng	Nữ	13/08/2001	Khánh Hoà	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	112	3.60	Xuất sắc	0	
52	19H4010018	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	18/08/2001	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	122	3.27	Giỏi	0	
53	19H4010057	Trương Ngọc	Huy	Nam	18/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	VIệt Nam	KT19CLCA	112	2.83	Khá	0	
54	19H4010022	Nguyễn Huỳnh	Lan	Nữ	18/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	122	3.09	Khá	0	
55	19H4010023	Nguyễn Trần Trúc	Linh	Nữ	02/06/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	121	3.23	Giỏi	0	
56	19H4010060	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	Nữ	13/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt nam	KT19CLCA	123	2.79	Khá	0	
57	19H4010061	Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	13/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	122	3.38	Giỏi	0	
58	19H4010032	Phan Anh	Quân	Nam	15/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	122	3.30	Giỏi	0	
59	19H4010034	Trần Quốc	Thái	Nam	27/10/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	114	3.39	Giỏi	0	
60	19H4010066	Bùi Nam	Thắng	Nam	09/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	vietnam	KT19CLCA	117	2.71	Khá	0	
61	19H4010067	Nguyễn Lê Hoài	Trâm	Nữ	23/10/2001	Bình Định	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	124	3.20	Giỏi	0	
62	1954010166	Trần Lê Bích	Trâm	Nữ	19/06/2001	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	122	3.73	Xuất sắc	0	
63	19H4010064	Nguyễn Lê Gia	Tuấn	Nam	02/02/2001	Quảng Ngãi	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	117	2.53	Khá	0	
64	19H4010046	Dương Nhật	Tuyền	Nữ	24/04/2001	Trà Vinh	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	122	3.32	Giỏi	0	
65	19H4010048	Trần Lê	Vinh	Nam	12/11/2001	Bạc Liêu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	124	3.21	Giỏi	0	
66	19H4010072	Hồ Thị Yến	Vương	Nữ	17/07/2001	Quảng Ngãi	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	122	3.03	Khá	0	
67	19H4010073	Phạm Thị Tường	Vy	Nữ	10/02/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	KT19CLCA	122	3.03	Khá	0	
68	19H4020008	Đinh Hồng	Gấm	Nữ	29/09/2001	Kiên Giang	Kinh	Việt Nam	KX19CLCA	120	3.50	Giỏi		
69	19H4020036	Nguyễn Quốc	Thanh	Nam	16/12/2001	Khánh Hoà	Kinh	Việt nam	KX19CLCA	120	3.60	Xuất sắc		
70	19H4020067	Hoàng Ngọc	Thiện	Nam	14/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	0	KX19CLCA	120	2.50	Khá	- Dư nợ học phí:	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc Tịch	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú	Ký tên xác nhận
71	19H4020042	Trần Quốc	Trọng	Nam	20/02/2001	Kon Tum	Kinh	Việt Nam	KX19CLCA	120	2.88	Khá		
72	19H4020049	Lê Ngọc Hải	Yến	Nữ	06/04/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	KX19CLCA	120	3.88	Xuất sắc		